

Số: /QĐ-UBND

Nhã Lộng, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHÃ LỘNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 5139/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Phú Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Phú Bình năm 2025;

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Nhã Lộng Quý 1 năm 2025 (Theo các biểu số 113/CKTC-NSNN; 114/CKTC-NSNN; 115/CKTC-NSNN kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã, HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Như điều 3
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2025	SƠ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	9.086,450,00	2.829,732,775	31,1
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	55.000	15.480	28,1
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	305.000	134.252,775	44
3	Thu bổ sung	8.726.450	2.680.000	30,7
	- Thu bổ sung cân đối	8.477.000	2.450.000	28,9
	- Thu bổ sung có mục tiêu	249,450	230.000	92,2
4	Thu chuyển nguồn	0	0	0
II	TỔNG SỐ CHI	8.837.000	1.984,008,309	22,5
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
2	Chi thường xuyên	8.735.000	1.984,008,309	22,7
3	Dự phòng	102.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.221,450	9.086,450	3.327.065,968	2.829,732,775	36	31,1
I	Các khoản thu 100%	55.000	55.000	15.480	15.480	28,1	28,1
	Phí, lệ phí	35.000	35.000	15.480	15.480	44,2	44,2
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thu khác	20.000	20.000	0	0	0	0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	440.000	305.000	320.513,28	134.252,775	72,8	44
1	Các khoản thu phân chia	65.000	65.000	42.976,537	38.516,333	66,1	59,2
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	40.000	8.156,124	8.156,124	20,4	20,4
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình				0,0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	25.000	25.000	25.900	25.900	103,6	103,6
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất			8.920,413	4.460,209		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	375.000	240.000	277.536,743	95.736,442	74	39,9
	- Thuế GTGT	250.000	240.000	98.999,328	95.039,358	40	40
	- Thuế thu nhập cá nhân	125.000	0	177.811,289	0	142,2	
	- Thu tiền sử dụng đất		0		0		
	- Thuế thu nhập cá nhân CNBĐS		0		0		
	- Thu phạt chậm nộp thuế			726,126	697,084		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				0		
IV	Thu chuyển nguồn	0	0	0	0	0	0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		0		0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.726.450	8.726.450	2.680.000	2.680.000	30,7	30,7
	- Thu bổ sung cân đối	8.477.000	8.477.000	2.450.000	2.450.0000	28,9	28,9
	- Thu bổ sung có mục tiêu	249.450	249.450	230.000	.230.000	92,2	92,2

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị:
1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	8.837.000	0	8.837.000	1.984.008,309	0	1.984.008,309	22,5		22,5
	Trong đó									
1	Chi dân quân tự vệ, ANTT	1.380,500		1.380,500	307.725,031		307.725,031	22,3		22,3
2	Chi giáo dục	0		0						
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0						
4	Chi y tế	118.000		118.000	27.378		27.378	23,2		23,2
5	Chi văn hóa, thông tin	75.000		75.000	0		0	0		0
6	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0,0					
7	Chi thể dục thể thao	45.000		45.000	0,0			0,00		0,00
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	0	0		0	0			0	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.019.500		7.019.500	1.627.273,478		1.627.273,478	23,2		23,2
11	Chi cho công tác xã hội	97.000		97.000	21.631,8		21.631,8	22,3		22,3
12	Chi khác	0		0						
13	Dự phòng ngân sách	102.000		102.000	0,0					

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Nhĩ Lộng quý 1 năm 2025

1. Thu ngân sách Nhà nước (Biểu số 114/CKTC-NSNN)

Dự toán năm 2025:

- Thu ngân sách xã: 9.086.450.000 đồng (Bỏ sung chi ĐH Đảng 230 triệu đồng, Bỏ sung chi hoạt động thủy lợi phí: 19.450.000 đồng)

- Thực hiện thu quý 1/2025 là: 2.829.732.775 đồng đạt 31,1, % so với dự toán

Trong đó: + Các khoản thu 100%: 15.480.000 đồng đạt 28,1 %

+ Các khoản phân chia theo tỷ lệ: 134.252.775 đồng đạt 44 % dự toán.

- Thu bổ sung trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 2.680.000.000 đồng đạt 30,7% dự toán, Một số khoản thu đạt khá và vượt như; Thuế GTGT 95.039,358 đồng đạt 40% dự toán; Thu phí, lệ phí: 15.480.000 đồng đạt 44,2% dự toán; Phí môn bài 25.900.000 đồng đạt 103,6% dự toán...

Nhìn chung về thu ngân sách xã thực hiện trong quý 1/2025 đảm bảo dự toán chi các hoạt động

2. Chi ngân sách nhà nước (Biểu số 115/CK-TC-NSNN)

- Dự toán năm 2025: 8.837.000.000 đồng

- Chi thực hiện quý 1 là: 1.984.008.309 đồng đạt 22,5% dự toán

Trong đó: + Chi thường xuyên: 1.984.008.309 đạt 22,7% dự toán

Chi thường xuyên trong quý 1 năm 2025 đã đảm bảo chi lương và các khoản chi thường xuyên, chính sách an ninh xã hội, chi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của xã theo dự toán huyện giao.